TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2021
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đăng Huấn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Địa chỉ: 201-203 đường C, phường 4, quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T - Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.

Địa chỉ: Lầu 3, 97 B, phường N, quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức L. (Có mặt).

Địa chỉ: 168 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

+ Bị đơn: Ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị . (Đều vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trịnh Thị A, anh Trịnh Xuân T, chị Trịnh Thị V, chị Trịnh Thị D, chị Trịnh Thị T. (Đều vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức L trình bày:

Vào ngày 17/01/2017, ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0124/2017/502 với Ngân hàng Thương mại cổ phần N để vay số tiền gốc 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ gốc vào ngày 19/01/2018, lãi suất trong hạn 10%/năm, được thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời hạn chậm trả, mục đích vay về để chăm sóc cây cà phê, tiêu, trồng mới tiêu và mua sắm công cụ sản xuất nông nghiệp. Vào ngày 25/01/2019, ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T đã ký với Ngân hàng giấy nhận nợ số 03/GNN-0124/2017/502-CV để gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 25/01/2020. Ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T chưa thanh toán được số tiền gốc cùng lãi phát sinh cho Ngân hàng sau khi gian hạn nợ. Khoản vay này đã quá hạn từ ngày 25/7/2019 đến nay. Dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 22/7/2021 là 1.058.591.602 đồng, trong đó: Nợ gốc 750.000.000 đồng, lãi phát sinh trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi 308.591.602 đồng.

Vào ngày 25/01/2018, ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0111/2018/502-CV với Ngân hàng Thương mại cổ phần N để vay số tiền gốc 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay kể từ ngày 02/2/2018 đến ngày 19/01/2023, lãi suất trong hạn 11,2%/năm, thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời hạn chậm trả, mục đích vay về để chăm sóc cây tiêu, trồng mới tiêu, chăn nuôi bò, cá, đầu tư hệ thống tưới và mua sắm công cụ sản xuất nông nghiệp. Vào ngày 02/02/2018, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T số tiền vay trên thể hiện qua giấy nhận nợ số 01/GNN-0111/2018/502-CV. Đối với khoản vay này, ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T đã trả được cho Ngân hàng 40.000.000 đồng tiền gốc và 41.341.281 đồng tiền lãi phát sinh. Khoản vay này đã quá hạn từ ngày 19/01/2020 đến nay. Dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 22/7/2021 là 450.990.637 đồng, trong đó: Nợ gốc 340.000.000 đồng, lãi phát sinh trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi 110.990.637 đồng.

Vào ngày 31/01/2019, ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần số 0107/2019/502-CV với Ngân hàng Thương mại cổ phần N để vay số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay kể từ ngày 01/2/2019 đến ngày 25/1/2020, lãi suất trong hạn 10%/năm, được thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời hạn chậm trả, mục đích vay về để mua sắm vật dụng gia đình, sửa chữa nhà. Vào ngày 01/12/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T số tiền vay trên thể hiện qua giấy nhận nợ số 01/GNN-0107/2019/502-CV. Ông Trịnh Xuân

C, bà Nguyễn Thị T chưa thanh toán được số tiền gốc cùng lãi phát sinh nào cho Ngân hàng. Khoản vay này đã quá hạn từ ngày 25/7/2019 đến nay. Dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 22/7/2021 là 41.649.723 đồng, trong đó: Nợ gốc 30.000.000 đồng, lãi phát sinh trong hạn, quá hạn, chậm trả lãi 11.649.723 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm có: Diện tích đất 8290,3 m^2 cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 368550 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/1/2018 mang tên ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T.

Diện tích đất 3788,3 m^2 cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 368551 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/1/2018 mang tên ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T.

Diện tích đất 17380 m^2 cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 6,7, tờ bản đồ số 106, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 486664 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 27/3/2006 mang tên hộ ông Trịnh Xuân C.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T trả nợ nhưng ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị vẫn không thực hiện. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng Thương mại cổ phần N của ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm các điều khoản cam kết theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm tính đến ngày 22/7/2021 là 1.551.231.962 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi mốt triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc 1.120.000.000 đồng, lãi phát sinh trong hạn, lãi phát sinh quá hạn, phạt chậm trả lãi là 431.231.962 đồng.

Buộc ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán phần nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phát sinh theo thỏa thuận được quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký giữa các bên kể từ ngày 23/7/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị A, anh Trịnh Xuân T, chị Trịnh Thị V, chị Trịnh Thị D, chị Trịnh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T, chị Trịnh Thị A, anh Trịnh Xuân T, chị Trịnh Thị V, chị Trịnh Thị D, chị Trịnh Thị T nhiều lần để làm việc và hòa giải nhưng các đương sự trên vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền vay và nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ do hai bên đã ký kết với nhau thì đã có căn cứ khẳng định: Ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền gốc 1.160.000.000 đồng, có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời hạn chậm trả, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T đã trả được cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền gốc 40.000.000 đồng, tổng dư nợ gốc đến thời điểm hiện tại là 1.120.000.000 đồng.

Chị Trịnh Thị A, anh Trịnh Xuân T, chị Trịnh Thị V, chị Trịnh Thị D, chị Trịnh Thị T có ký hợp đồng ủy quyền cho ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T thực hiện các thủ tục để vay vốn tại ngân hàng. Ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng và thực hiện các giao dịch khác với Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T trả nợ cho Ngân hàng, khoản vay là nợ chung của vợ chồng ông C, bà T trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ buộc ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N là phù hợp.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ đối với số tiền gốc 1.120.000.000 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng ông C, bà T không trả gốc và lãi phát sinh kể từ khi quá hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Như vậy, Ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N, buộc ông Trịnh Xuân C, bà T phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/7/2021) gồm: Tiền gốc 1.120.000.000 đồng + lãi suất phát sinh trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi 431.231.962 đồng = 1.551.231.962 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi mốt triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Đồng thời, buộc ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 23/7/2021 cho đến khi ông C, bà T trả hết số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N theo mức lãi suất quá hạn của các hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ đã được ký giữa các bên.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp, phụ lục hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên xác định được ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T có thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N các tài sản gồm: Diện tích đất 8290,3 m^2 cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 368550 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/1/2018 mang tên ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T; Diện tích đất 3788,3 m^2 cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 36, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 368551 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 12/1/2018 mang tên ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T; Diện tích đất 17380 m^2 cùng tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 6,7, tờ bản đồ số 106, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 486664 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 27/3/2006 mang tên hộ ông Trịnh Xuân C.

Theo nội dung hợp đồng ủy quyền đã ký giữa chị Trịnh Thị A, anh Trịnh Xuân T, chị Trịnh Thị V, chị Trịnh Thị D, chị Trịnh Thị T với ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T thể hiện ý chí của các thành viên trong hộ ông C, bà T đồng ý để cho ông C, bà T thế chấp quyền sử dụng đất của hộ ông C, bà T tại Ngân hàng và đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử lý tài sản mà ông C, bà T cùng các thành viên trong hộ đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ trong trường hợp ông C, bà T không trả nợ hoặc không trả đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 đồng x (3% x 751.231.962 đồng) = 58.537.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Buộc ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền 1.551.231.962 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi mốt triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng), cụ thể: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0124/2017/502 ngày 17/1/2017 số tiền gốc 750.000.000 đồng + tiền lãi phát sinh 308.591.602 đồng; Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0111/2018/502-CV ngày 25/1/2018 số tiền gốc 340.000.000 đồng + tiền lãi phát sinh 110.990.637 đồng; Hợp đồng tín dụng từng lần số 0107/2019/502-CV ngày 31/01/2019 số tiền gốc 30.000.000 đồng + tiền lãi phát sinh 11.649.723 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/7/2021) cho đến khi thi hành án xong, ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0124/2017/502 ngày 17/1/2017, Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0111/2018/502-CV ngày 25/1/2018, Hợp đồng tín dụng từng lần số 0107/2019/502-CV ngày 31/01/2019, Giấy nhận nợ số 03/GNN-0124/2017/502-CV ngày 25/01/2019, Giấy nhận nợ số 01/GNN-0111/2018/502-CV ngày 02/02/2018, Giấy nhận nợ số 01/GNN-0107/2019/502-CV ngày 01/12/2019.

Sau khi ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có nghĩa vụ trả lại cho ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 368550 cấp ngày 12/1/2018 mang tên ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 368551 cấp ngày 12/1/2018 mang tên ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 486664 cấp ngày 27/3/2006 mang tên hộ ông Trịnh Xuân C.

Trường hợp ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong hộ gia đình đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0124-01/2017/502-BĐ ngày 17/01/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0068/2018/502-BĐ ngày 25/01/2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung thế chấp số 01/SĐ-0068/2018/502-BĐ ngày 31/01/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Trịnh Xuân C, bà Nguyễn Thị T phải nộp 58.537.000 đồng (Năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 26.911.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm mười một nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0015078 ngày 24/11/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng